

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI,
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2020/DS-ST
Ngày: 10/9/2020
V/v tranh chấp “Hợp đồng dân
sự, hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Bé

Bà Hoàng Thị Thiện Lai

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 236/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự, hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 388/2020/QĐ-ST ngày 30/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 385/2020/QĐ-ST ngày 21/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Chế Thị Th (D, B), sinh năm 1983; địa chỉ: ấp Phú Hạ 1, xã K. T, huyện C. M, tỉnh An Giang (Có mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp Phú Hạ 1, xã K. T, huyện C. M, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chế Thị T trình bày:

Bà Lê Thị L có tham gia các dây hội do bà T làm chủ, cụ thể:

+ Dây hội thứ nhất: Hội 5.000.000 đồng/tháng, khai hội ngày 19/6/2018 al, gồm 21 hội viên, bà L tham gia 01 phần. Sau khi hốt hội, bà L còn 02 lần hội chết chưa đóng với số tiền 10.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai hụi ngày 24/3/2019 al, gồm 21 hụi viên, bà L tham gia 01 phần. Đến ngày 24/6/2019 al, bà L hốt hụi. Sau khi hốt hụi, bà L còn 11 lần hụi chết chưa đóng với số tiền 11.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà T có tham gia dây hụi do bà L làm chủ. Cụ thể: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai hụi ngày 30/6/2018 al, gồm 20 hụi viên, bà T tham gia 01 phần, lấy tên là Bồn, đóng được 19 lần hụi sống với tổng số tiền 19.000.000 đồng, hụi mẫn ngày 30/01/2020 al, bà T sẽ hốt cuối cùng, nhưng bà L không trả, bà L nợ bà T 19.000.000 đồng.

Tổng 03 dây hụi trên, bà L nợ bà T tổng số tiền 40.000.000 đồng.

Nay, bà Chế Thị T yêu cầu bà Lê Thị L có trách nhiệm trả cho bà số tiền các dây hụi: là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu), yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày nộp đơn khởi kiện đến khi xét xử sơ thẩm.

- Bị đơn Lê Thị L vắng mặt tại phiên hòa giải lần thứ hai nên không thể ghi nhận ý kiến, không thể tiến hành hòa giải được.

Khi tham gia chơi hụi với bà L thì bà tham gia với tên thường gọi là “9 B”. Còn khi bà làm chủ hụi thì bà lấy tên là “Diễm”. Bà Lê Thị L tham gia với tên “3 L1” do ghi theo tên chồng của bà L.

Theo đó, các dây hụi do bà làm chủ, bà trực tiếp thu tiền hụi từ bà L và ngược lại bà L làm chủ hụi bà cũng đóng tiền trực tiếp cho bà L; 02 dây hụi do bà làm chủ bà L đã hốt hụi nhưng không châu tiền hụi lại. Còn dây hụi bà tham gia 1.000.000 đồng do bà L làm chủ thì bà L đã thu hụi nhưng bỏ địa phương đi cho đến nay.

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: 03 danh sách hụi viên (bản photo) thể hiện chi tiết đầy đủ những người tham gia chơi hụi.

Khi Tòa án thụ lý vụ án, tiến hành mở các phiên họp hòa giải và công khai chứng cứ nhưng phía bị đơn do đã bỏ đi khỏi địa phương. Quá trình xác minh tại Công an xã K. T, huyện C. M, tỉnh An Giang thì bà Lê Thị L (tên thường gọi là vợ Ba Lương) kể từ thời điểm sau tết nguyên đán đến nay đã bỏ địa phương đi đâu không rõ nhưng hộ khẩu thường trú vẫn còn tại địa phương. Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật và ghi nhận sự vắng mặt của bà Lê Thị L tại các phiên hòa giải. Vụ án không thể tiến hành hòa giải được. Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp: không có.

Tại phiên tòa, bà Chế Thị T (D, B) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ hụi, bà xin rút lại không yêu cầu tính lãi suất và không cung cấp thêm chứng cứ nào khác tại phiên tòa; lời trình bày của bà T phù hợp về số tiền hụi của 03 dây hụi mà bà tham gia làm chủ hụi khi bà L hốt thì bà giao và khi chơi thì bà đóng hụi cho bà Lê Thị L.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập đến lần thứ hai nhưng phía bị đơn Lê Thị L vắng mặt, các thủ tục tổng đạt, niêm yết được thực hiện theo đúng quy định, do đó căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng. Đối với bị đơn tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa có cơ sở xác định: hợp đồng hui giữa bà T và bà L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và được thể hiện bằng các giấy hui 5.000.000 đồng/tháng và hui 2.000.000 đồng/tháng, 1.000.000 đồng/tháng, có các hui viên cùng tham gia. Bà Vũ Thị H, Trần Thị D cùng tham gia hui do bà T làm chủ cũng xác định bà L có tham gia hui do bà T làm chủ và Bà Đỗ Thị Đ (3 Đ), Mai Thị Th. cùng tham gia hui do bà L làm chủ cũng xác định, bà T có tham gia hui do bà L làm chủ. Do bà L không thực hiện nghĩa vụ đối với hui viên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu bà L trả 40.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp các Điều 282, 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về lãi suất, tại phiên tòa, bà T rút lại yêu cầu tính lãi suất, nên cần đình chỉ đối với phần rút yêu cầu này theo quy định tại Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 282, 471 Bộ luật dân sự, các Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự, xem xét quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chế Thị T (D, B).
- Buộc bà Lê Thị L trả bà Chế Thị T (D, B) tổng cộng 40.000.000 đồng.
- Đình chỉ đối với phần rút yêu cầu tính lãi suất của bà Chế Thị T (D, B).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Chế Thị T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị L trả nợ hui, do bà Lê Thị L có nơi cư trú tại: ấp Phú Hạ 1, xã K. T, huyện C. M, tỉnh An Giang căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[2] Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: trước khi phiên tòa được mở, bị đơn Lê Thị L vắng mặt tuy đã được triệu tập hợp lệ, Tòa án thực hiện các thủ tục niêm yết theo đúng quy định pháp luật đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ

điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[3] Về nội dung vụ án: theo đơn khởi kiện bà Chế Thị T yêu cầu bà Lê Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ hội mà bà làm chủ bà L hốt hội không châu, và 01 dây hội bà tham gia do bà L làm chủ, Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai hội ngày 30/6/2018 al, gồm 20 hội viên, bà T tham gia 01 phần, lấy tên là Bồn, đóng được 19 lần hội sống với tổng số tiền 19.000.000 đồng, hội mần ngày 30/01/2020 al, bà T sẽ hốt cuối cùng, nhưng bà L không trả, bà L nợ bà T 19.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của bà Chế Thị T yêu cầu bà Lê Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hội mà bà đã góp cho bà L theo 01 dây hội do bà L làm chủ và 02 dây hội do bà làm chủ với số tiền 40.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy như sau: căn cứ vào 03 danh sách hội viên do bà T (Diễm) cung cấp thể hiện bà có tham gia chơi 01 dây hội đều ghi tên chủ hội là “L” bà thma gia chơi với tên là “ 9 Bồn” vì đây là tên gọi của chồng bà.

Và 02 dây hội do bà làm chủ: dây hội thứ nhất: Hội 5.000.000 đồng/tháng, khai hội ngày 19/6/2018 al, gồm 21 hội viên, bà L tham gia 01 phần. Sau khi hốt hội, bà L còn 02 lần hội chết chưa đóng với số tiền 10.000.000 đồng. Dây hội thứ hai: Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai hội ngày 24/3/2019 al, gồm 21 hội viên, bà L tham gia 01 phần. Đến ngày 24/6/2019 al, bà L hốt hội. Sau khi hốt hội, bà L còn 11 lần hội chết chưa đóng với số tiền 11.000.000 đồng. Khi làm chủ hội thì bà lấy tên là “Diễm”, đây là tên gọi khác của bà.

Bà Chế Thị T xác định chủ hội tên L và người chơi hội do bà làm chủ là bà Lê Thị L (vợ 3 Lương) có nơi cư trú tại ấp Phú Hạ 1, xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập các chứng cứ thể hiện như sau:

Tại biên bản xác minh ngày 01/9/2020 tại Ban nhân dân ấp Phú Hạ 1 xác nhận: “khi xác bên tham gia chơi hội do bà Lê Thị L làm chủ hội thì địa phương không rõ, tuy nhiên khi bà Lê Thị L (vợ 3 L1) bỏ địa phương đi kể từ sau tết nguyên đán (khoảng giữa tháng 2/2020) thì có nhiều hội viên cho biết bà L làm chủ hội, hội chưa mần nhưng bà L tự ý ngưng hội, giật hội và bỏ địa phương đi”.

Tại Biên bản xác minh cùng ngày tại Công an xã K. T, huyện C. M cung cấp: “sau khi bà Lê Thị L (tên thường gọi là vợ 3 L1), có địa chỉ thường trú trong xã bỏ địa phương đi thì có nhiều hội viên đến trình báo bà L làm chủ hội bị bẻ hội, hội chưa mần nhưng bà L tự ý ngưng hội nên phía Công an xã có hướng dẫn những người thma gia chơi hội với bà L khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án. Ngoài ra, bà L bỏ địa phương từ tết nguyên đán đến nay nhưng hộ khẩu vẫn còn đăng ký thường trú tại địa phương”.

Tòa án xác minh những người trực tiếp tham gia chơi hội do bà Chế Thị T làm chủ và những người tham gia dây hội do bà Lê Thị L làm chủ mà bà T tham gia, xác định:

Đối với dây hội 5.000.000 đồng mở ngày 19/6/2018 do bà Chế Thị T (D, B) làm chủ hội được bà bà Vũ Thị H, sinh năm 1978 cũng tham gia với tên là “Tiền”. Bà H khai, bà tham gia chơi hội do bà Chế Thị T (D, B) làm chủ, bà chơi dây hội này cùng với “vợ ông 3 L1” là Lê Thị L do ở xóm ghi tên chồng bà L, bà ở vị trí thứ 3, còn bà 3 Lương ở vị trí số 6, khi hội chưa mãn thì bà có nghe bà T nói bà 3 L1 đã hốt hội và bỏ địa phương.

Đối với dây hội 1.000.000 đồng do bà T làm chủ hội, khai ngày 24/3/2019 có 21 hội viên tham gia, bà Võ Thị H (bà lấy tên chồng là T1) để tham gia vì bà là người trực tiếp giao hội, trong danh sách hội viên thì “Tiền” ở vị trí thứ 3 trong danh sách còn bà L, vợ ông 3 L1 tham gia ở vị trí số 4; khi hội chưa mãn thì bà có nghe bà T nói bà 3 Lương đã hốt hội và bỏ địa phương.

Đối với dây hội 1.000.000 đồng, mở ngày 09/5/2019 được bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1976 (vợ 6 L2) khai: bà có tham gia dây hội này với 01 chân hội do Lê Thị L (vợ 3 Lương) làm chủ hội, trong danh sách có 20 hội viên tham gia bà tham gia ở vị trí thứ 3 với tên “6 L2” vì tham gia chơi hội với bà L thì bà L ghi tên chồng của bà nhưng bà là người trực tiếp tham gia chơi và giao nhận tiền hội với bà L. Trong dây hội này bà xác định có chơi chung với bà Chế Thị T tên “B” trong danh sách ở vị trí thứ 14, ghi theo tên chồng của bà T.

Ngoài ra, còn phù hợp với lời khai của những người khác như Trần Thị Dung, Lê Thị Mỹ D cũng là những người trực tiếp tham gia vào 3 dây hội nói trên do bà Lê Thị L trực tiếp làm chủ hội và bà Chế Thị T làm chủ có bà L tham gia. Hội chưa mãn, nhưng bà L những hội và bỏ địa phương đi cho đến nay.

Do đó, có đủ căn cứ xác định giữa bà Chế Thị T và bà Lê Thị L có xác lập hợp đồng dân sự, hội trên cơ sở thỏa thuận, tự nguyện, hội có lãi nhưng không thỏa thuận mức lãi cụ thể. Đây là hợp đồng hội có lãi, việc xác lập hợp đồng hội giữa các đương sự là phù hợp với quy định tại các Điều 282, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ trên cho thấy bà Lê Thị L là chủ hội đã thu các phần hội của các hội viên, trong đó thu tiền hội từ 01 dây hội do bà Chế Thị T tham gia là hội viên đóng, hội chưa mãn, (bà T vẫn chưa hốt hội), bà L thu hội nhưng tự ý ngưng hội và 02 dây hội do bà Chế Thị T làm chủ hội, bà L hốt hội nhưng không đóng lại và bỏ địa phương là vi phạm nghĩa vụ. Do đó, bà Chế Thị T khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị L trả lại số tiền hội đã nợ phần vốn gốc đối với tổng cộng 03 dây hội với số tiền 40.000.000đ là có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi: tại phiên tòa, bà Chế Thị T có yêu cầu xin rút lại một phần khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử thống nhất đình chỉ đối với yêu cầu này.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà T được hoàn lại 1.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008469 ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Bị đơn bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bà T yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 282, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 217, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chế Thị T (D, B).

Buộc bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Chế Thị T (D, B) số tiền nợ hui là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu).

2. Đình chỉ đối với phần rút yêu cầu tính lãi suất của bà Chế Thị T (D, B).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu).

Bà Chế Thị T (D, B). không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0008469 ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Chế Thị T (D, B) được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng đương sự vắng mặt, bà Lê Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA, VP.

Hà Huy Phong

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Biên bản nghị án kết thúc lúc.....giờ.....phút cùng ngày. Có đọc lại nội dung cho các thành viên trong hội đồng cùng nghe và thống nhất ký tên vào biên bản.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Phong